TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT
Ngày 06-3-2018
V/v ly hôn giữa chị N và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Bùi Tiến Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04A/2018/QĐ - PT ngày 12/01/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐ-PT ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N1, sinh năm 1981

2. Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ tại: Thôn A, xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình.

3. Người kháng cáo: Anh Hà Văn H là bị đơn.

(*Chị N, anh H đều có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì anh H cờ bạc, rượu chè và còn đánh đập chửi bới chị. Gia đình hai bên đã khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi tính nết. Xác định không thể sống với anh H được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Hà Nhất P, sinh ngày 30/7/2005. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị theo pháp luật.

Về tài sản chung gồm có:

- Nhà 03 tầng xây trên diện tích đất ở là 39,3m^2 tại địa chỉ: Thôn A, xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Đất ở diện tích 39,3m^2 tại địa chỉ thôn A, xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila biển kiểm soát 17M5-3271;
- 01 ti vi;
- 01 tủ lạnh;
- 01 điều hòa;
- 01 tủ gỗ một buồng;
- 01 tủ gỗ hai buồng;
- 02 giường gỗ;
- 01 bình nóng lạnh;
- 01 giàn năng lượng mặt trời;
- 01 téc nước inox;
- 01 téc nước bằng nhựa;
- 01 bếp ga;
- 01 máy giặt;
- 01 bộ đồ làm tóc;
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện K, tỉnh Thái Bình là 98.000.000 đồng.

Nguồn gốc tài sản do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, riêng về đất ở vợ chồng chị mua năm 2010 với giá 120.000.000 đồng, bố đẻ anh H là ông Hà Văn G có vay hộ vợ chồng 80.000.000 đồng song 01 năm sau vợ chồng chị

đã hoàn trả số tiền này cho ông G, ông G tự trả tiền lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã L1 và tuyên bố là cho vợ chồng chị số tiền lãi. Chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được sở hữu và sử dụng nhà, đất để tạo điều kiện cho chị ổn định cuộc sống, làm ăn và nuôi con. Chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H bằng ½ tổng giá trị tài sản chung.

Về nợ: Năm 2015, anh H chơi cờ bạc bị thua nên có nói với chị là ký giấy cho anh H vay tiền để trả nợ, anh H đã vay Quỹ tín dụng nhân dân L1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ngày 06/7/2017 chị Lê Thị N1 đã rút tiền tiết kiệm của vợ chồng trực tiếp thanh toán số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi vay là 444.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân xã L1.

Bị đơn – anh Hà Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn anh khai thống nhất với lời khai của chị N1, anh cũng thừa nhận rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; nguyên nhân do tài chính kinh tế vợ chồng chị N1 nắm giữ, anh không biết. Anh bức xúc và chán nản nên có đi uống rượu và cờ bạc. Nay chị N1 cố tình ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N1 khai. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh khai thống nhất về chủng loại và số lượng tài sản và công nợ mà chị N1 khai.

Về nguồn gốc đất, anh H khai không thống nhất:

Tại bản tự khai ngày 09/5/2017, anh H khai: được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ anh, đã vay hộ cho vợ chồng anh số tiền 80.000.000 đồng từ năm 2010. Bố mẹ anh đã trả lãi ngân hàng hộ vợ chồng anh hơn một năm để mua một thửa đất có diện tích 39,3m^2 nằm giáp mặt đường cái khu vực chợ L2.

Ngày 13/6/2017, anh H lại viết trong đơn đề nghị là mảnh đất này là do bố anh mua cho nên anh đề nghị Tòa án cho anh nhận đất thổ cư để tiện việc sinh sống và hương hỏa cho bố mẹ anh sau này.

Tại phiên họp ngày 23/6/2017, anh H lại thay đổi ý kiến, không đồng ý chia đất mà chỉ đồng ý chia tiền tiết kiệm và các tài sản còn lại mà Tòa án đã định giá, đề nghị Tòa án giao nhà và đất ở cho anh sử dụng, anh sẽ thanh toán cho chị N1 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thừa nhận anh đứng ra mua đất của anh C do anh T chị N2 bán hộ anh C, bố mẹ đẻ anh có thế chấp sổ lương để vay Quỹ tín dụng nhân dân 80.000.000 đồng, sau đó vợ chồng đã đưa tiền cho bố đẻ anh trả hết cho quỹ tín dụng trong vòng 01 năm.

Bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình đã áp dụng các điều 56, 59, 62, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, các điểm a, b khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N1 và anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Nhất P, sinh ngày 30/7/2005. Anh H có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N1 mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 9/2017 đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho chị N1 được quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng gồm: Nhà ở bao gồm cả thiết bị ở địa chỉ thôn A, xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình trị giá: 430.627.390 đồng, 01 tivi trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng, 01 máy điều hòa trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ gỗ một buồng trị giá 1.200.000 đồng, 1 tủ gỗ hai buồng trị giá 3.500.000 đồng, 01 bình nóng lạnh trị giá 1.000.000 đồng, 01 giàn năng lượng mặt trời trị giá 5.000.000 đồng, 01 téc nước inox trị giá 2.500.000 đồng, 01 téc nước bằng nhựa trị giá 1.500.000 đồng, 01 bếp ga trị giá 1.500.000 đồng, 01 bộ làm tóc trị giá 10.000.000 đồng, tiền tiết kiệm 98.000.000 đồng.

- Giao cho chị N1 được quyền sử dụng đất ở có số thửa 665, tờ bản đồ 19 đo VLAP năm 2009 ở địa chỉ thôn A, xã L1, huyện K, tỉnh Thái Bình, diện tích 39,3m^2 trị giá 235.800.000 đồng.

- Chị N1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh H tiền chênh lệch tài sản là 402.091.650 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã L1 về việc yêu cầu chị Lê Thị N1 và anh Hà Văn H phải thanh toán khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 153/HĐTD ngày 08/6/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2017, anh Hà Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia lại tài sản chung. Ngày 24/10/2017 anh H có đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình định giá lại nhà và đất ở của vợ chồng anh và đề nghị được quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở của vợ chồng, anh H có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệnh tài sản cho chị N1. Nhưng đến ngày 06/12/2017 anh H lại có đơn xin rút yêu cầu định giá lại tài sản và đồng ý giao nhà, đất ở cùng các tài sản khác cho chị N1 sở hữu, sử dụng nhưng yêu cầu chị N1 phải thanh toán thêm cho anh H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tổng là 452.091.650 đồng để anh H có điều kiện tạo lập nơi ở mới. Tại phiên toà phúc thẩm, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Chị N1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho chị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản chung khác của vợ chồng để ổn định cuộc sống, chăm sóc con chung. Chị đồng ý tự nguyện thanh toán thêm cho anh H 30.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản để anh tạo lập nơi ở mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị N1 thanh toán thêm cho anh H 30.000.000 đồng tiền chênh lệnh tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hà Văn H đã nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, cần chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Hà Văn H về chia tài sản chung:

Tại phiên toà phúc thẩm, chị N1 và anh H đều thống nhất giao toàn bộ tài sản là nhà, đất ở cùng các tài sản khác của vợ chồng cho chị N1 được sở hữu, sử dụng, anh chị nhất trí với giá mà Hội đồng định giá đã định giá, chỉ tranh chấp với nhau về thanh toán giá trị chênh lệch tài sản, anh H yêu cầu chị N1 thanh

toán thêm cho anh 50.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản để anh tạo lập nơi ở mới, vì anh cho rằng anh và bố mẹ anh có nhiều công sức đóng góp, tạo lập nên khối tài sản chung của vợ chồng. Tổng số tiền anh H yêu cầu chị N1 phải thanh toán cho anh là 452.091.650 đồng.

Xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã phân chia cho anh H ½ tổng giá trị tài sản chung của anh H và chị N1 là có căn cứ, nay anh H yêu cầu chị N1 thanh toán thêm cho anh 50.000.000 đồng nhưng anh H không chứng minh được công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung nhiều hơn chị N1. Mặt khác chị N1 là phụ nữ, phải trực tiếp nuôi con nhỏ, cũng khó khăn về cuộc sống nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, chị N1 tự nguyện thanh toán thêm cho anh H 30.000.000 đồng để anh H có điều kiện tạo lập nơi ở mới. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị N1, chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Hà Văn H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh H, chị N1 phải chịu án phí phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Hà Văn H.

2. Sửa một phần Bản án số 44/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình về chia tài sản chung:

Giao cho chị N1 được quyền sử dụng 39,3m^2 đất ở thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 19, đo VLAP năm 2009, trị giá 235.800.000 đồng, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp rãnh nước chợ L2 dài 3,08 m; phía Tây giáp đường liên xã 457 dài 3,06 m; phía Bắc giáp gia đình ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T dài 13,02 m; phía Nam giáp nhà bà Đoàn Thị N3 dài 12,67m tại thôn A, xã L1,

huyện K, tỉnh Thái Bình và được quyền sở hữu ngôi nhà 3 tầng, trị giá 430.627.390 đồng, xây trên diện tích đất ở 39,3m^2 nêu trên.

Chị N1 được quyền sở hữu 01 tivi trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng, 01 máy điều hòa trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ gỗ một buồng 1.200.000 đồng, 1 tủ gỗ hai buồng trị giá 3.500.000 đồng, 01 bình nóng lạnh 1.000.000 đồng, 01 giàn năng lượng mặt trời trị giá 5.000.000 đồng, 01 téc nước inox trị giá 2.500.000 đồng, 01 téc nước nhựa 1.500.000 đồng, 01 bếp ga trị giá 1.500.000 đồng, 01 bộ làm tóc trị giá 10.000.000 đồng, tiền tiết kiệm 98.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị N1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hà Văn H 432.091. 650 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu không trăm chín mốt nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí:

Chị Lê Thị N1 phải chịu 18.576.787 đồng án phí chia tài sản. Chuyển 15.130.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N1 đã nộp theo biên lai số 0000665 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Đối trừ nghĩa vụ, chị N1 phải nộp 3.446.787 đồng.

Anh Hà Văn H phải chịu 21.283.666 đồng án phí chia tài sản, không phải chịu án phí phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp theo biên lai số 0006571 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Anh H còn phải nộp 20.983.666 đồng án phí chia tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Mạnh Tăng